hào shǒu

皓首

noun · hoary head (old age)

Example Sentences

tā yǐ shì hào shǒu lǎo rén
他已是皓 首 老人。

He is already an old man with a hoary head.

zhè wèi hào shǒu xué zhě réng zài yán jiū lì shǐ
这位皓 首 学者 仍 在研究历史。

This scholar with a hoary head is still researching history.

Trace each character, then write the word on your own.

皓 皓 皓 皓 皓 皓 皓 皓 皓 皓 皓

皓 皓 皓 皓

首 首 首 首 首 首 首 首 首 首 首

首